

Marine Life

水生物

shuǐ shēng wù

1. Blow fish

河豚

hé tún

2. Clam

蛤蜊

gě lì

3. Coral

珊瑚

shān hú

4. Crab

螃蟹

páng xiè

5. Crocodile

鳄鱼

è yú

6. Dolphin

海豚

hǎi tún

7. Eel

鳗鱼

mán yú

8. Fish

鱼

yú

9. Frog

青蛙

qīng wā

10. Hippopotamus

河马

hé mǎ

11. Jelly fish

水母

shuǐ mǔ

12. Manatee

海牛

hǎi niú

13. Octopus

章鱼

zhāng yú

14. Otter

水獭

shuǐ tǎ

15. Sea cucumber

海参

hǎi shēn

16. Shark

鲨鱼

shā yú

17. Squid

鱿鱼

yóu yú

18. Sting ray

黄貂鱼

huáng diāo yú

19. Turtle

龟

gūi

20. Whale



Langhub.com
Learn Chinese

鲸鱼

jīng yú

Copyright© Langhub.com – Learn Chinese. No part of this text can be reused for profit.